

Số: /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước sạch Đạo Lý

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật Kiến trúc năm 2019;*

*Căn cứ Các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung Quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 01/2016/TT-BXD ngày 01/2/2016 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Kết luận của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị Giao ban tuần 31/2023 ngày 27/7/2023;*

*Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 364/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 về phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; số 1055/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 phê duyệt Quy hoạch phê duyệt cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030; số 1269/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1476/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện dự án: Xây dựng Nhà máy nước sạch Đạo Lý của Công ty Cổ phần nước sạch TDG Hà Nam tại xã Đạo Lý, xã Nguyên Lý - huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam; số 28/QĐ-UBND ngày 05/01/2023 phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước sạch Đạo Lý;*

*Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 1710/TTr-SXD ngày 13/7/2023, kèm theo Báo cáo thẩm định số 1608 /BC-SXD ngày 03/7/2023).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước sạch Đạo Lý; với những nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước sạch Đạo Lý.

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần nước sạch TDG Hà Nam.

### **3. Mục tiêu, tính chất**

#### **3.1. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030; Điều chỉnh quy hoạch vùng huyện Lý Nhân đến năm 2030; đảm bảo khớp nối đồng bộ về hạ tầng và cảnh quan với khu vực xung quanh.

- Quy hoạch xây dựng Nhà máy nước sạch với mục tiêu cấp nước an toàn, ổn định phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và thực hiện mục tiêu chuyển đổi nguồn nước cho các nhà máy nước sử dụng nguồn nước không đảm bảo trên địa bàn các huyện Bình Lục, Lý Nhân, một phần huyện Thanh Liêm.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chuẩn bị đầu tư và quản lý đầu tư xây dựng Nhà máy nước Đạo Lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng.

**3.2. Tính chất:** là công trình đầu môi hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh - nhà máy nước sạch liên vùng - được đầu tư đồng bộ, hiện đại.

### **4. Phạm vi, quy mô ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch**

#### **4.1. Vị trí:**

a) Khu nhà máy nước: thuộc địa bàn xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân; vị trí cụ thể:

- Phía Bắc giáp đê sông Hồng;
- Phía Tây giáp đường Quy hoạch D2 mặt cắt ngang 76m.
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng;
- Phía Nam giáp đường Quy hoạch N1 mặt cắt ngang 36m.

b) Khu trạm bơm nước thô: thuộc địa bàn xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân; vị trí cụ thể:

- Phía Đông Bắc giáp sông Hồng;
- Phía Tây Nam giáp mương và đường hiện trạng;
- Các phía còn lại giáp bãi bồi Sông Hồng.

#### **3.2. Quy mô:**

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp:
  - + Khu nhà máy nước: 8,02ha.
  - + Khu trạm bơm nước thô: 0,50ha.

- Tuyến đường ống dẫn nước thô từ trạm bơm nước thô đến nhà máy nước: dài khoảng 1.710m, đi trong hành lang đê sông Hồng hiện trạng và hệ đường quy hoạch, được thỏa thuận cụ thể với các cơ quan có liên quan trong bước tiếp theo.

- Quy mô công suất: 135.000m<sup>3</sup>/ngđ (giai đoạn 1: 75.000m<sup>3</sup>/ngđ).

- Số cán bộ, công nhân vận hành nhà máy: 28 người.

#### 4. Quy hoạch sử dụng đất, không gian kiến trúc cảnh quan

##### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục công trình	Diện tích(m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Công trình thu, trạm bơm nước thô</b>	<b>5.000</b>	<b>100,00</b>
1	Công trình thu	2.158,0	43,16
2	Trạm bơm nước thô (Trạm bơm cấp I)	433,0	8,67
3	Sân đường nội bộ	2.408,0	48,17
<b>II</b>	<b>Nhà máy xử lý nước sạch</b>	<b>80.200</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất xây dựng công trình</b>	<b>40.726,50</b>	<b>50,78</b>
	- Công trình hành chính-điều hành	503,90	0,63
	- Khu hồ sơ lắng	30.252,0	37,72
	- Cụm công trình xử lý nước	7.716,40	9,62
	- Cụm xử lý bùn cặn	1.568,90	1,96
	- Công trình phụ trợ	685,30	0,85
<b>2</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>17.161,70</b>	<b>21,40</b>
	- Cây xanh cảnh quan	15.160,50	18,90
	- Cây xanh cách ly	2.001,20	2,50
<b>3</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>20.748,50</b>	<b>25,87</b>
	- Đường giao thông nội bộ	17.528,0	21,86
	- Sân bãi	2.673,20	3,33
	- Bãi đỗ xe tập trung	547,30	0,68
<b>4</b>	<b>Đất hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>1.563,30</b>	<b>1,95</b>
<b>III</b>	<b>Đất hoàn trả</b>	<b>1.588,0</b>	
1	Đường hiện trạng dân sinh	569,0	
2	Mương thủy lợi C2	1.019,4	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86.788,0</b>	

**4.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:** khu vực lập quy hoạch gồm 02 khu:

a) Công trình thu, trạm bơm nước thô: được bố trí tại khu vực bãi sông Hồng. Tầng cao nhà trạm bơm 01 tầng.

b) Nhà máy xử lý nước sạch:

- Gồm các công trình chức năng được bố trí phù hợp với yêu cầu về công nghệ, thuận tiện cho quản lý, vận hành nhà máy, tầng cao từ 01÷02 tầng:

+ Công trình hành chính – điều hành: gồm công trình nhà hành chính và nhà điều hành được quy hoạch gần cổng ra vào chính để thuận tiện trong công tác quản lý chung.

+ Khu hồ sơ lắng: bố trí thành 2 hồ cho 2 giai đoạn tại phía Bắc và phía Đông khu đất, phù hợp với hướng tuyến cấp nước thô và phương án dây chuyền công nghệ xử lý nước.

+ Cụm công trình xử lý nước, được quy hoạch ở khu vực trung tâm của nhà máy, trong đó cụm các công trình xử lý được chia thành các đơn nguyên xử lý phù hợp với nhu cầu cấp nước và công suất dự án theo các giai đoạn. Các công trình: bể tiếp nhận, bể trộn, bể phản ứng, bể lắng lamen, bể lọc, bể chứa, trạm bơm nước sạch được bố trí theo trục ngang theo chiều dòng chảy.

+ Công trình phụ trợ: gồm các công trình nhà hóa chất, nhà Clo, trạm biến áp,.. được bố trí gần các công trình chính có liên quan.

+ Cụm xử lý bùn: gồm các công trình bể thu hồi nước rửa lọc, bể nén bùn và nhà đặt máy ép bùn, được bố trí giữa cụm công trình xử lý nước và hồ sơ lắng để thuận tiện cho thu gom nước thải, bùn thải trong quá trình xử lý nước sạch.

- Các công trình chính đảm bảo khoảng lùi 10m so với chỉ giới đường đỏ tuyến đường quy hoạch N1 phía Nam khu đất và tuyến đường quy hoạch D2 phía Tây khu đất.

- Bố trí hệ thống cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan, mặt nước trong khu vực nhà máy đảm bảo môi trường, cảnh quan công trình.

## **5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **5.1 Quy hoạch san nền:**

a) Công trình thu, trạm bơm nước thô:

- Hướng dốc chính: Từ Tây sang Đông.

- Cao độ san nền, cao độ tim đường giao thông: từ +5,0m ÷ +5,05m tương đương cao độ mặt đất tự nhiên hiện có, không tôn cao bãi sông gây cản trở thoát lũ.

b) Nhà máy xử lý nước sạch:

- Hướng dốc chính: Từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam.

- Cao độ tim đường giao thông: từ +2,90m ÷ +3,45m.

### **5.2 Quy hoạch giao thông:**

- Giao thông đối ngoại tuân thủ Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân:

+ Đường N1 rộng 36,0m có mặt cắt 4-4: 5m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 5,0m (dải phân cách) + 10,5m (lòng đường) + 5m (hè).

+ Đường D2 rộng 72,0m có mặt cắt 5-5: 6m (hè) + 10,5m (lòng đường) + 5,0m (dải phân cách) + 15,0m (lòng đường) + 3,0m (dải phân cách giữa) + 15,0m (lòng đường) + 5,0m (dải phân cách) + 10,5m (lòng đường) + 6m (hè).

- Giao thông nội bộ: bố trí kết nối các công trình chức năng trong dự án, bao gồm:

+ Mặt cắt 1-1 (tuyến đường 1, 6, 7, 9) rộng 7,0m.

+ Mặt cắt 2-2 (tuyến đường 3, 4, 5, 8) rộng 5,0m.

+ Mặt cắt 3-3 (tuyến đường 2) rộng 4,0m.

+ Mặt cắt 6-6 (tuyến đường ven hồ sơ lắng và hàng rào nhà máy) rộng 2,0m.

- Hoàn trả tuyến đường dân sinh có bề rộng 4,0m phía Bắc khu đất.
- Bãi đỗ xe: bố trí 03 bãi đỗ xe trong nhà máy xử lý nước sạch.

### **5.3. Quy hoạch thoát nước mưa:**

- Hướng thoát nước: hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam sau đó thoát về kênh tiêu hiện trạng phía Đông khu đất.
- Hệ thống kênh tưới C2 được hoàn trả phía Nam khu đất bằng hệ thống mương hở có kích thước BxH=3,0mx2,5m kết nối với tuyến mương hiện trạng.
- Mạng lưới thoát nước mưa sử dụng cống BTCT kích thước D400, D600, D800, D1000. Hệ thống ga thu và ga thăm thiết kế dọc theo cống, khoảng cách giữa các hố ga trung bình khoảng từ 30m÷40m, bố trí tại các vị trí đặc biệt, vị trí chuyển hướng, thay đổi tiết diện cống... Độ dốc dọc cống được thiết kế đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy  $i > 1/D$  (D là kích thước cống).

### **5.4. Quy hoạch cấp nước:**

- Nguồn nước sinh hoạt: cấp từ bể nước sau xử lý của nhà máy; nước tưới cây rửa đường sử dụng nguồn nước của Hồ sơ lắng bên trong Nhà máy.
- Hệ thống cấp nước trong nhà máy: bao gồm hệ thống đường ống kỹ thuật (các tuyến ống cấp nước thô, tuyến ống nước sạch) và hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt có đường kính D50-D100.
- Cấp nước cứu hỏa: sử dụng nguồn nước tại các hồ sơ lắng.

### **5.5. Quy hoạch cấp điện:**

#### **a) Công trình thu, trạm bơm nước thô:**

- Tổng nhu cầu sử dụng điện trong khu vực Công trình thu, trạm bơm cấp I khoảng 415kW.
- Nguồn điện: Được lấy từ đường dây trung thế 22kV phía trong đê cách dự án khoảng 700m. Bố trí 01 trạm biến áp treo công suất 560kV đặt tại khu vực phía Tây Bắc khu đất.
- Mạng lưới: gồm cáp 22kV, cáp 0,4kV, cáp điện chiếu sáng, tủ điện hạ áp và tủ điện chiếu sáng được thiết kế đồng bộ, cáp điện đi ngầm trong hào kỹ thuật. Đèn chiếu sáng sử dụng loại tiết kiệm năng lượng, đèn led.

#### **b) Nhà máy xử lý nước sạch:**

- Tổng nhu cầu sử dụng điện trong khu vực Nhà máy xử lý nước sạch khoảng 1.554 kW.
- Nguồn điện: Được lấy từ đường dây trung thế 22kV được di chuyển lên phân hệ đường N1 phía Nam khu đất. Bố trí 01 trạm biến áp công suất 2000kV đặt tại nhà Trạm biến áp bố trí phía Tây Nam khu đất.
- Mạng lưới: gồm cáp 22kV, cáp 0,4kV, cáp điện chiếu sáng, tủ điện hạ áp và tủ điện chiếu sáng được thiết kế đồng bộ, cáp điện đi ngầm. Đèn chiếu sáng sử dụng loại tiết kiệm năng lượng, đèn led.

### **5.6. Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn:**

#### **a) Thoát nước thải:**

- Nước thải phát sinh bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghệ, thu gom bằng mạng lưới thoát nước riêng cho từng loại nước thải.

- Hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu nhà hành chính, điều hành được xử lý trong bể tự hoại cải tiến đặt ngầm trước khi thoát ra hệ thống cống thu gom và xả ra mương tiêu hiện trạng phía Đông khu đất.

- Nước thải công nghệ, bùn thải: Nước rửa lọc được thu gom về bể thu hồi nước rửa lọc, xả cặn lắng, các loại nước thải công nghệ khác cùng bùn cặn phát sinh trong quá trình xử lý nước được thu gom về cụm bể xử lý bùn. Nước xả lắng được xử lý theo hình thức lắng trong và bùn được ép đóng bánh vận chuyển đến nơi tập kết. Nước thải công nghệ được xử lý đảm bảo QCVN 08-MT:2015/BTNMT sau đó được bơm tuần hoàn về hồ sơ lắng để tái sử dụng.

- Hệ thống thu gom nước thải gồm ga thu, ga thăm và các tuyến cống thoát nước thải sinh hoạt HDPE D110 và cống thu gom nước thải công nghệ BTCT đường kính D500, D600.

b) Quản lý chất thải rắn: Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại được phân loại riêng và thu gom định kỳ, vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh để xử lý theo quy định. Bố trí 01 Nhà kho chứa chất thải nguy hại tại vị trí phía Đông Nam nhà máy.

#### **5.7. Quy hoạch thông tin liên lạc:**

- Nguồn cấp: từ tổng đài viễn thông của khu vực.

- Mạng cáp viễn thông được đi ngầm, tủ cáp, mạng thông tin được bố trí đảm bảo yêu cầu chuyển đổi số, tự động hóa trong quản lý vận hành nhà máy, được thỏa thuận với cơ quan quản lý chuyên ngành về nguồn cấp và phương án đấu nối.

#### **5.8. Giải pháp bảo vệ môi trường:**

- Bố trí hệ thống cống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mặt. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Tổ chức phân loại, thu gom chất thải rắn, xử lý theo quy định đối với từng loại chất thải đặc thù.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa đảm bảo không ngập úng trong khu vực lập quy hoạch.

- Trồng cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly đảm bảo theo tỷ lệ yêu cầu.

#### **5.9. Quy hoạch khu vực bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước:**

- Phạm vi bảo vệ điểm lấy nước, công trình cấp nước (khu vực bảo vệ cấp I): Trong phạm vi tối thiểu 200m ngược theo chiều dòng chảy và 100m xuôi theo chiều dòng chảy từ điểm lấy nước.

- Các hoạt động cấm trong khu vực bảo vệ cấp I: Xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, chất thải rắn, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước sạch Đạo Lý”.

2. Giao Công ty Cổ phần nước sạch TDG Hà Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai Quy hoạch và triển khai thực hiện Quy hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, GTXD, NNTNMT, TH;
- Lưu VT, GTXD.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Anh Chức**